

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUYỀN MỘC
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 112/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 06-11-2017
Về việc ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Duy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Mai Hương.
2. Ông Nguyễn Ngọc Khanh.

- Thư ký Phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tham gia Phiên tòa:
Ông Đỗ Đình Luyện - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 414/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2017, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1979. (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Lê Anh H, sinh năm: 1971. (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/9/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Bà Phạm Thị T và ông Lê Anh H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2000 và đến năm 2006 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung với cha, mẹ chồng tại Tổ A, ấp B, xã C, huyện D. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông H quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, bà T phát hiện thì vợ chồng xảy ra cãi nhau và xô xát. Đến giữa năm 2016, ông H cho rằng bà T có người đàn ông khác nên ghen tuông và nhiều lần xúc

phạm bà T, do đó tình trạng vợ chồng ngày càng trầm trọng. Khoảng tháng 7/2017, bà T đã thuê nhà ở riêng và sống ly thân với ông H từ đó cho đến nay. Nay, bà T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và không còn cách nào để níu kéo vợ chồng trở về sống đoàn tụ với nhau, nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà Phạm Thị T và ông Lê Anh H có 02 người con chung tên là Lê H P, sinh ngày 25/6/2000 và Lê Ngọc Tr, sinh ngày 07/12/2009, hiện nay các con chung đang sống với ông H. Khi ly hôn bà T nhường quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung cho ông H và bà T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại bản khai đề ngày 13/10/2017 và trong quá trình xét xử, bị đơn Lê Anh H trình bày:

Về hôn nhân: Ông Lê Anh H và bà Phạm Thị T chung sống với nhau vào năm 2000, không tổ chức đám cưới, hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, không bị ai ép buộc, đến năm 2006 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C. Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc. Đến năm 2014, do ông H đi làm ăn xa, bà T ở nhà không chăm lo cho gia đình mà tụ tập bạn bè chơi bời, ông H khuyên bảo nhiều lần nhưng bà T không nghe, còn gây gổ với ông H nên vợ chồng ngày càng mâu thuẫn. Hiện nay bà T đã bỏ nhà đi, sống ly thân ông H. Ông H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và bà T đã quyết định ly hôn nên ông H đồng ý ly hôn bà T.

Về con chung: Ông Lê Anh H và bà Phạm Thị T có 02 người con chung tên là Lê H P, sinh ngày 25/6/2000 và Lê Ngọc Tr, sinh ngày 07/12/2009, hiện nay các con chung đang sống với ông H. Khi ly hôn ông H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi 02 con chung và không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định pháp luật. Đối với các đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Phạm Thị T được ly hôn ông Lê Anh H và giao các cháu Lê H P và Lê Ngọc Tr cho ông Lê Anh H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại Pên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại Pên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc nhận định:

[1]. *Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp:* Bà Phạm Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn ông Lê Anh H, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. Xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về tố tụng*: Ngày 13/10/2017, ông Lê Anh H có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt ông Lê Anh H theo luật định.

[3]. *Về hôn nhân*: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 34, quyển số 02/B, ngày 13/12/2006 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, xác định hôn nhân của bà Phạm Thị T và ông Lê Anh H là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc, đến năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau dẫn đến bất đồng trong cuộc sống. Hai bên đã sống ly thân, không còn quan hệ gì về mặt kinh tế cũng như tình cảm. Bà Phạm Thị T và ông Lê Anh H cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đều đồng ý ly hôn. Xét thấy hôn nhân của bà Phạm Thị T và ông Lê Anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận cho bà Phạm Thị T ly hôn ông Lê Anh H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4]. *Về con chung*: Trong thời kỳ hôn nhân, bà Phạm Thị T và ông Lê Anh H có 02 người con chung tên là Lê H P, sinh ngày 25/6/2000 và Lê Ngọc Tr, sinh ngày 07/12/2009. Khi ly hôn bà T nhường quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung cho ông H, bà T không cấp dưỡng nuôi con. Khi ly hôn ông H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi 02 con chung và không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử thấy rằng hiện nay cháu P và cháu Tr đang sống với ông H và các cháu đều có nguyện vọng được ở với ông H khi bà T và ông H ly hôn. Để ổn định về chỗ ở, tránh ảnh hưởng đến tâm sinh lý của các cháu, nên khi giao con cho ai nuôi dưỡng cần phải xem xét nguyện vọng của con đủ 07 tuổi và điều kiện phát triển về mọi mặt của con. Vì vậy, cần giao cháu P và cháu Tr cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 và phù hợp với yêu cầu của các bên đương sự.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ông Lê Anh H không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con, nên bà T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5]. *Về tài sản và nợ chung*: Bà Phạm Thị T và ông Lê Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bà Phạm Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Bà Phạm Thị T được ly hôn ông Lê Anh H.

2. *Về con chung*: Giao các cháu Lê H P, sinh ngày 25/6/2000 và Lê Ngọc Tr, sinh ngày 07/12/2009 cho ông Lê Anh H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Phạm Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Phạm Thị T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. *Về án phí*: Bà Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009069 ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà Phạm Thị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

6. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt tại Pên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại Pên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- Chi cục THADS huyện Xuyên Mộc;
- UBND xã L, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Duy